

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD

Website : www.kiemtoan.net.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa, được thành lập trên cơ sở tách toàn bộ tài sản và lao động của Nhà máy Nước giải khát Sanna theo Quyết định số 2340/QĐ-YS ngày 26 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yên sào Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2016.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1795/QĐ-UBND về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một Thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa thành Công ty cổ phần.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa đã được tổ chức và đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần, bầu các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16 tháng 11 năm 2017, kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanna Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu là 50.000.000.000 VND và không đổi qua quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SKN.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại : (0258) 3865 678 Fax : (0258) 3865 676

Website : <http://sanna.com.vn/>

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Khai thác nước khoáng thiên nhiên; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống không có cồn, rượu, bia; Bán lẻ đồ uống không có cồn, rượu, bia; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động...

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 30).

447
NG
IEM
A
NH
TR
3-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Hồng Vân	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên	
Bà Nguyễn Hạ Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2018
Ông Đào Minh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2018
Bà Hoàng Thị Ân Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Trưởng ban
Ông Bùi Hoàng Vũ	Thành viên
Bà Đinh Thị Thúy Phượng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lành	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Lê Thùy Linh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hạnh Quyên	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Lê Thị Hồng Vân.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc



Lê Thị Hồng Vân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2019



www.kiemtoan.net.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

Trụ sở Chính : 64/4 Đường BHT 21, Phường Đồng Hưng Thuận, Q. 12, TP. HCM.
 Chi nhánh Nha Trang : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Diêm Trung, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Khánh Hòa.
 Chi nhánh Vũng Tàu : 188 Trương Công Định, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
 Chi nhánh Miền Trung : 01 Trần Phú, P. Tân Thành, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.
 Chi nhánh Hà Nội : Tầng 5, Tòa nhà 6A1, Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

FAC AUDITING CO., LTD

Tel : (028) 3636 4038 Fax : (028) 3719 3949
 Tel : (0258) 3895 777 Fax : (0258) 3893 377
 Tel : (0254) 2210 287 Fax : (0254) 6253 070
 Tel : (0235) 2226 889 Fax : (0235) 3837 878
 Tel : (024) 7300 7886

Số: 012/2019/BCTC-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

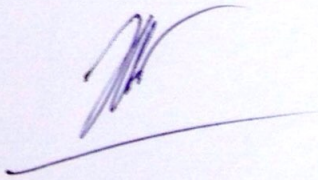
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Hoàng Lam
 Tổng Giám đốc
 Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0701-2018-099-1
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2019


 Đỗ Hoàng Chương
 Kiểm toán viên
 Giấy CNDKHN kiểm toán số: 2662-2018-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.886.957.500	23.633.895.276
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	6.717.532.696	576.746.602
1. Tiền	111		6.717.532.696	576.746.602
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.337.976.867	12.281.581.874
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 2	13.088.630.179	11.240.590.314
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 3	7.249.346.688	1.040.991.560
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.635.703.884	9.874.891.239
1. Hàng tồn kho	141	V. 4	5.635.703.884	9.874.891.239
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		195.744.053	900.675.561
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 5	187.696.026	813.718.487
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	86.957.074
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 6	8.048.027	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.213.123.992	39.463.873.350
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.518.320.995	21.991.008.901
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 7	16.518.320.995	21.991.008.901
<i>Nguyên giá</i>	222		41.454.331.187	40.605.241.187
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(24.936.010.192)	(18.614.232.286)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.022.560.000	404.820.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 8	1.022.560.000	404.820.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.672.242.997	17.068.044.449
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 9	15.672.242.997	17.068.044.449
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		66.100.081.492	63.097.768.626

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		15.419.199.164	12.544.477.191
I. Nợ ngắn hạn	310		15.419.199.164	12.544.477.191
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 10	10.885.235.445	9.798.131.554
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 11	386.899.856	403.266.260
4. Phải trả người lao động	314		1.220.336.247	1.069.344.638
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 12	428.754.378	235.756.878
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 13	2.467.713.916	1.037.977.861
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 14	30.259.322	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

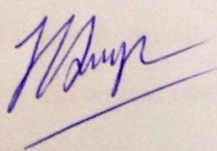
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

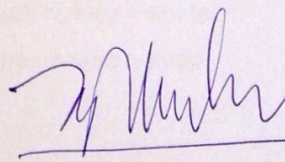
Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.680.882.328	50.553.291.435
I. Vốn chủ sở hữu	410		50.680.882.328	50.553.291.435
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 15	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V. 15	26.626.709	26.626.709
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 15	654.255.619	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 15	-	526.664.726
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	526.664.726
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		66.100.081.492	63.097.768.626

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc



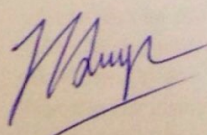
Lê Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

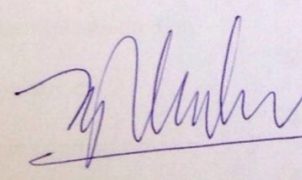
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

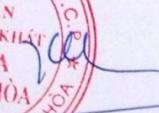
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	153.998.708.392	13.198.322.420
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 1	-	1.220.190.916
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		153.998.708.392	11.978.131.504
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	113.178.024.665	9.000.907.745
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.820.683.727	2.977.223.759
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		14.342.220	4.308.281
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI. 3	19.470.688.801	1.125.328.941
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 4	16.877.401.572	1.391.904.175
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.486.935.574	464.298.924
11. Thu nhập khác	31		12.449.290	200.124.234
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		12.449.290	200.124.234
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.499.384.864	664.423.158
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 5	936.951.973	137.758.432
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.562.432.891	526.664.726
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 6	584	87

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2019


Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng
Người lập biểu


Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc


Lê Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

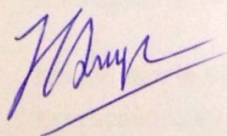
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

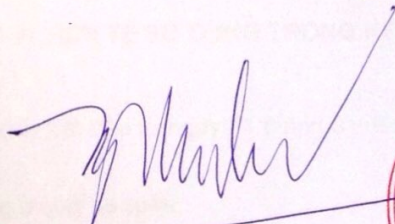
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.499.384.864	664.423.158
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V. 7	6.321.777.906	867.592.655
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.342.220)	(4.308.281)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.806.820.550	1.527.707.532
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.717.984.158)	517.412.017
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.239.187.355	(944.574.136)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.496.542.547	(785.426.771)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.021.823.913	580.253.431
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V. 11	(1.317.803.860)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	VII. 1	1.017.021.488	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	VII. 2	(8.087.883.000)	(26.788.059.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.457.724.835	(25.892.687.925)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.200.268.251)	(301.632.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.342.220	4.308.281
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.185.926.031)	(297.324.119)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII. 3	(1.131.012.710)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.131.012.710)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.140.786.094	(26.190.012.044)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V. 1	576.746.602	26.766.758.646
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V. 1	6.717.532.696	576.746.602

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Thị Hạnh Quyên
 Kế toán trưởng
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Hải
 Giám đốc



Lê Thị Hồng Vân
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa ("Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Khai thác nước khoáng thiên nhiên; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống không có cồn, rượu, bia; Bán lẻ đồ uống không có cồn, rượu, bia; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 10 tháng 11 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 (kỳ kế toán đầu tiên dưới hình thức công ty cổ phần).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

39:
CÔ
THI
E
HI
HA
/ 4A

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

7. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 10 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 - 10 năm |

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu vào kỳ phát sinh khoản giảm trừ doanh thu.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch giữa các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	1.666.938.686	196.876.945
Tiền gửi ngân hàng	5.050.594.010	379.869.657
Cộng	<u>6.717.532.696</u>	<u>576.746.602</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	11.906.336.436	11.240.590.314
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	5.486.068.683	10.982.226.714
- Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	235.244.000	-
- Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	31.268.500	13.818.500
- Công ty TNHH MTV Du lịch Tuyến Bắc Nam	41.335.789	-
- Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	69.520.500	57.304.500
- Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	33.333.000	23.790.500
- Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	8.503.000	55.369.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	64.350.000	58.905.000
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	5.448.912.558	-
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	486.562.906	49.176.100
- Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	1.237.500	-
Phải thu các khách hàng về hoạt động kinh doanh	1.182.293.743	-
Cộng	<u>13.088.630.179</u>	<u>11.240.590.314</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

3. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa (tiền thu từ cổ phần hóa nộp thừa)	-	676.906.973
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	7.191.960.734	263.600.000
Tạm ứng của người lao động	57.240.400	84.252.837
Phải thu khác	145.554	16.231.750
Cộng	<u>7.249.346.688</u>	<u>1.040.991.560</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	671.388.443	-	1.201.926.112	-
Công cụ, dụng cụ	2.034.244.975	-	3.431.009.997	-
Thành phẩm	1.269.507.891	-	1.845.509.228	-
Hàng hóa	396.645.976	-	734.490.241	-
Hàng gửi bán	1.263.916.599	-	2.661.955.661	-
Cộng	<u>5.635.703.884</u>	<u>-</u>	<u>9.874.891.239</u>	<u>-</u>

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	166.071.094	733.943.851
Chi phí khác	21.624.932	79.774.636
Cộng	<u>187.696.026</u>	<u>813.718.487</u>

6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	8.048.027	-
Cộng	<u>8.048.027</u>	<u>-</u>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	25.822.144.023	12.172.909.615	2.610.187.549	40.605.241.187
Đầu tư hoàn thành	-	849.090.000	-	849.090.000
Số cuối năm	25.822.144.023	13.021.999.615	2.610.187.549	41.454.331.187
Trong đó đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	142.674.694	-	142.674.694
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	10.972.281.756	6.312.018.650	1.329.931.880	18.614.232.286
Trích khấu hao	3.050.826.216	2.830.538.730	440.412.960	6.321.777.906
Số cuối năm	14.023.107.972	9.142.557.380	1.770.344.840	24.936.010.192
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	14.849.862.267	5.860.890.965	1.280.255.669	21.991.008.901
Số cuối năm	11.799.036.051	3.879.442.235	839.842.709	16.518.320.995

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư hệ thống tự động chiết bình 5 gallons	-	404.820.000
Đầu tư máy phóng màng co.tự động	1.022.560.000	-
Cộng	1.022.560.000	404.820.000

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi thế kinh doanh theo xác định giá trị doanh nghiệp	15.596.008.567	17.004.993.760
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	76.234.430	63.050.689
Cộng	15.672.242.997	17.068.044.449

10. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	1.491.451.883
- Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	-	183.364.651
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	-	65.375.280
- Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	-	1.242.711.952
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	10.885.235.445	8.306.679.671
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Thông Khánh Hòa	2.729.025.679	1.434.939.242
- Công ty TNHH Bao bì nhựa Vĩnh An	2.975.515.761	2.624.000.328
- Công ty TNHH Hiệp Hưng	681.646.130	1.404.878.200
- Công ty Cổ phần Đông Á	2.010.957.080	582.759.210
- Các nhà cung cấp khác	2.488.090.795	2.260.102.691
Cộng	10.885.235.445	9.798.131.554

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	348.046.323	22.991.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	372.803.860
Thuế thu nhập cá nhân	38.853.533	7.471.000
Cộng	<u>386.899.856</u>	<u>403.266.260</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	22.991.400	4.699.616.875	4.374.561.952	348.046.323
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	372.803.860	936.951.973	1.317.803.860	(8.048.027)
Thuế thu nhập cá nhân	7.471.000	903.203.533	871.821.000	38.853.533
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>403.266.260</u>	<u>6.542.772.381</u>	<u>6.567.186.812</u>	<u>378.851.829</u>

(*) Thuế nộp thừa được trình bày tại chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuyết minh V.6).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh IV.17 và Thuyết minh VI.5.

Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí vận chuyển	-	179.847.787
Trích trước chi phí tiếp thị bán hàng	204.459.378	-
Trích trước chi phí ăn ca	164.295.000	-
Trích trước các khoản chi phí khác	60.000.000	55.909.091
Cộng	<u>428.754.378</u>	<u>235.756.878</u>

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa (phải trả lợi nhuận sau thuế)	-	948.566.123
Cổ tức còn phải trả	2.351.205.708	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	86.922.630	-
Các khoản khác	29.585.578	89.411.738
Cộng	<u>2.467.713.916</u>	<u>1.037.977.861</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	Quỹ thưởng ban điều hành	Tổng cộng
Số đầu năm	(263.600.000)	-	(263.600.000)
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế	659.522.266	30.259.322	689.781.588
Nhận hỗ trợ kinh phí	500.000.000	-	500.000.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(8.087.883.000)	-	(8.087.883.000)
Số cuối năm	(7.191.960.734)	30.259.322	(7.161.701.412)

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt được trình bày ở chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh V.3)

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 10/11/2017	50.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000
Điều chuyển nguồn vốn	-	26.626.709	-	-	26.626.709
Lợi nhuận sau thuế năm 2017	-	-	-	526.664.726	526.664.726
Tại 31/12/2017	50.000.000.000	26.626.709	-	526.664.726	50.553.291.435
Tại 01/01/2018	50.000.000.000	26.626.709	-	526.664.726	50.553.291.435
Trích lập các quỹ	-	-	84.266.356	(177.696.678)	(93.430.322)
Trích thù lao của HĐQT và BKS	-	-	-	(6.635.976)	(6.635.976)
Chia cổ tức	-	-	-	(342.332.072)	(342.332.072)
Lợi nhuận sau thuế năm 2018	-	-	-	3.562.432.891	3.562.432.891
Trích lập các quỹ	-	-	569.989.263	(1.166.340.529)	(596.351.266)
Trích thù lao của HĐQT và BKS	-	-	-	(44.886.654)	(44.886.654)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.351.205.708)	(2.351.205.708)
Tại 31/12/2018	50.000.000.000	26.626.709	654.255.619	-	50.680.882.328

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cổ đông				
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa	25.500.000.000	51,00	25.500.000.000	51,00
Các cổ đông khác	24.500.000.000	49,00	24.500.000.000	49,00
Cộng	50.000.000.000	100,00	50.000.000.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 3 năm 2018, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 với tỷ lệ là 65% lợi nhuận sau thuế, tương đương tổng số tiền cổ tức là 342.332.072 đồng. Toàn bộ số cổ tức này đã được thanh toán hết trong năm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Tổng doanh thu	153.998.708.392	13.198.322.420
Các khoản giảm trừ	-	1.220.190.916
Doanh thu thuần	153.998.708.392	11.978.131.504
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán các thành phẩm	106.747.749.217	11.849.780.821
Doanh thu thuần bán hàng hóa	44.850.959.175	128.350.683
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.400.000.000	-

b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	36.666.069.328	11.246.804.457
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	2.384.041.362	193.247.273
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	527.396.135	18.497.727
Công ty TNHH MTV Dịch vụ tuyến Bắc Nam	381.896.514	21.977.273
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	608.840.303	52.095.000
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	289.337.753	21.627.727
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	264.725.000	55.350.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	1.017.440.000	53.550.000
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	16.788.402.549	161.340.785
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	2.423.370.386	44.705.545
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa	19.863.200	-
Cộng	61.371.382.530	11.869.195.787

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của thành phẩm	81.182.270.589	8.887.584.081
Giá vốn của hàng hóa	31.995.754.076	113.323.664
Cộng	<u>113.178.024.665</u>	<u>9.000.907.745</u>
3. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	6.616.835.648	-
Chi phí vật liệu và đồ dùng	834.885.883	111.591.267
Chi phí khấu hao	347.930.112	48.323.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.082.112.089	957.495.047
Các chi phí khác	3.588.925.069	7.919.000
Cộng	<u>19.470.688.801</u>	<u>1.125.328.941</u>
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	8.269.461.980	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	1.685.409.540	266.376.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.185.770.968	442.468.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.061.420.311	129.150.503
Các chi phí khác	2.675.338.773	553.908.701
Cộng	<u>16.877.401.572</u>	<u>1.391.904.175</u>
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>4.499.384.864</u>	<u>664.423.158</u>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	185.375.000	24.369.000
Các khoản chi phí không được trừ	185.375.000	24.369.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>4.684.759.864</u>	<u>688.792.158</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>936.951.973</u>	<u>137.758.432</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒA

Quốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.562.432.891	526.664.726
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	(641.237.920)	(93.430.322)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(569.989.263)	(89.533.003)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	(26.362.003)	(3.897.319)
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	(44.886.654)	(6.635.976)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.921.194.971	433.234.404
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>584</u>	<u>87</u>

(*) Công ty sử dụng tỷ lệ phân phối kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua để trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành và Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhằm xác định chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

7. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.521.084.453	8.472.487.598
Chi phí nhân công	23.532.343.362	1.212.589.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.321.777.906	867.592.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.947.475.103	1.192.640.756
Chi phí khác bằng tiền	6.264.263.842	563.511.201
Cộng	<u>115.586.944.666</u>	<u>12.308.821.666</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Nhận lại tiền cổ phần hóa nộp thừa	517.021.488	-
Nhận tiền hỗ trợ khen thưởng, phúc lợi	500.000.000	-
Cộng	<u>1.017.021.488</u>	<u>-</u>

2. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Chi khen thưởng, phúc lợi	8.087.883.000	263.600.000
Chi trả chi phí cổ phần hóa	-	119.805.400
Chi nộp tiền thu cổ phần hóa	-	26.404.654.598
Cộng	<u>8.087.883.000</u>	<u>26.788.059.998</u>

3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lợi nhuận còn lại phải trả	948.566.123	-
Bù trừ giữa lợi nhuận còn phải trả và tiền cổ phần hóa nộp thừa	(159.885.485)	-
Chi trả cổ tức năm 2017	342.332.072	-
Cộng	<u>1.131.012.710</u>	<u>-</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	Công ty mẹ là chủ sở hữu Công ty này
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa	Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa là chủ sở hữu Công ty này
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trong yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<u>Bên liên quan/Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	40.332.676.281	12.371.484.912
Thu tiền bán hàng	44.497.976.000	-
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	1.374.994.012	13.139.947.057
Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ	932.722.338	73.991.309
Phải trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ nhờ chi hộ	460.126.174	13.065.955.748
Chuyển trả tiền thu từ cổ phần hóa	-	25.727.747.625
Nhận lại tiền thu cổ phần hóa đã chuyển thừa	517.021.488	-
Bù trừ tiền thu cổ phần hóa chuyển thừa với lợi nhuận phải trả	159.885.485	-
Chi trả lợi nhuận/cổ tức	963.279.638	-
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land		
Phải thu tiền bán hàng	2.622.445.500	212.572.000
Thu tiền bán hàng	2.203.836.849	-
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	183.364.651	212.572.000
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Phải thu tiền bán hàng	580.135.750	20.347.500
Thu tiền bán hàng	551.826.750	-
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	10.859.000	6.529.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒAQuốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Phải thu tiền bán hàng	420.086.166	24.175.000
Thu tiền bán hàng	63.540.700	-
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	315.209.677	24.175.000
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu và dịch vụ	734.437.961	
Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu và dịch vụ	484.603.564	
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan		
Phải thu tiền bán hàng	669.724.333	57.304.500
Thu tiền bán hàng	657.508.333	-
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	318.271.530	23.790.500
Thu tiền bán hàng	308.729.030	-
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	291.197.500	60.885.000
Thu tiền bán hàng	336.319.000	-
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	1.744.500	5.516.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng		
Phải thu tiền bán hàng	1.119.184.000	58.905.000
Thu tiền bán hàng	1.113.739.000	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	18.467.242.803	177.474.863
Thu tiền bán hàng	3.131.702.698	-
Bù trừ công nợ bán hàng và mua hàng	9.886.627.547	177.474.863
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	36.209.808.870	260.490.648
Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	26.625.323.035	16.500.000
Bù trừ công nợ ba bên	940.570.240	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng	2.665.707.431	49.176.100
Thu tiền bán hàng	2.228.320.625	-
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Tiền thù lao	389.400.000	53.483.400
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng	1.279.781.898	213.853.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANNA KHÁNH HÒAQuốc lộ 1A, thôn Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông,
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	5.486.068.683	10.982.226.714
Phải thu tiền cổ phần hóa nộp thừa (Thuyết minh V.3)	-	676.906.973
Phải trả tiền phân phối lợi nhuận (Thuyết minh V.13)	-	948.566.123
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	235.244.000	-
Phải trả tiền mua hàng (Thuyết minh V.10)	-	183.364.651
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	31.268.500	13.818.500
Công ty TNHH MTV Dịch vụ tuyến Bắc Nam		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	41.335.789	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	69.520.500	57.304.500
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	33.333.000	23.790.500
Công ty TNHH MTV Quàng bá Sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	8.503.000	55.369.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	64.350.000	58.905.000
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	5.448.912.558	-
Phải trả tiền mua nguyên liệu (Thuyết minh V.10)	-	1.242.711.952
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	486.562.906	49.176.100
Công ty TNHH MTV Cung ứng nguyên vật liệu Khánh Hòa		
Phải thu tiền bán hàng (Thuyết minh V.2)	1.237.500	-

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, nợ phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động kinh doanh. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Số đầu năm				
Phải trả người bán	9.798.131.554	-	-	9.798.131.554
Chi phí phải trả	235.756.878	-	-	235.756.878
Các khoản phải trả khác	1.037.977.861	-	-	1.037.977.861
Cộng	11.071.866.293	-	-	11.071.866.293
Số cuối năm				
Phải trả người bán	10.885.235.445	-	-	10.885.235.445
Chi phí phải trả	428.754.378	-	-	428.754.378
Các khoản phải trả khác	2.467.713.916	-	-	2.467.713.916
Cộng	13.781.703.739	-	-	13.781.703.739

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ vẫn ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	6.717.532.696	576.746.602	6.717.532.696	576.746.602
Phải thu khách hàng	13.088.630.179	11.240.590.314	13.088.630.179	11.240.590.314
Phải thu khác	7.249.346.688	1.040.991.560	7.249.346.688	1.040.991.560
Cộng	27.055.509.563	12.858.328.476	27.055.509.563	12.858.328.476
Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	10.885.235.445	9.798.131.554	10.885.235.445	9.798.131.554
Chi phí phải trả	428.754.378	235.756.878	428.754.378	235.756.878
Các khoản phải trả khác	2.467.713.916	1.037.977.861	2.467.713.916	1.037.977.861
Cộng	13.781.703.739	11.071.866.293	13.781.703.739	11.071.866.293

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính


Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thị Hạnh Quyên
Kế toán trưởng
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc




Lê Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị